

Bản án số: 153/2024/DS – ST

Ngày: 12/7/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Lê

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2023/TLST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 546/2024/QĐST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 547/2024/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T (VIỆT NAM).

Trụ sở: Số 1 P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty L (gọi tắt Công ty L1). Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số: 7 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D – Nhân viên pháp lý công ty L1. “Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Bị đơn: Ông Đinh Quang M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A B, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (VIỆT NAM) có bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/8/2022 Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 3485666 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Đinh Quang M với khoản vay trị giá 31.980.000 (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Đinh Quang M. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Đinh Quang M có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/02/2025. Sau khi được giải ngân ông Đinh Quang M đã thanh toán được số tiền 10.730.702 đồng (tương ứng với 06 kỳ). Tuy nhiên, từ ngày 15/02/2023 thì ông Đinh Quang M đã không thanh đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân. Công ty T đã tiến hành liên hệ

qua điện thoại đề nghị ông **Đinh Quang M** thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, **Công ty T** cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đề thông báo trực tiếp cho ông **Đinh Quang M** biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông **Đinh Quang M** vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía **Công ty T**. Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông **Đinh Quang M** vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông **Đinh Quang M** phải thanh toán cho **Công ty T1** số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu, tạm tính đến ngày 12/7/2024 là: 48.521.946 (bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, (trong đó gồm: Nợ gốc là: 27.743.592 đồng; Lãi trong hạn là: 12.638.119 đồng; Lãi quá hạn: 7.150.994 đồng; Lãi chậm trả: 969.241 đồng).

2. Buộc ông **Đinh Quang M** phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 13/7/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông **Đinh Quang M** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, Giấy triệu tập hòa giải đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời khai và yêu cầu của bị đơn thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày nêu trên. Bị đơn ông **Đinh Quang M** đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông **M** vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 3485666 ngày 12/8/2022 về việc **Công ty T** (VIỆT NAM) cấp tín dụng cho ông **Đinh Quang M** với khoản vay trị giá 31.980.000 (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi ký kết, **Công ty T** đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông **Đinh Quang M1**. Theo Hợp đồng tín dụng, ông **Đinh Quang M** có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/02/2025. Sau khi được giải ngân ông **Đinh Quang M** đã thanh toán

được số tiền 10.730.702 (mười triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, bảy trăm lẻ hai) đồng (tương ứng với 06 kỳ). Tuy nhiên, từ ngày 15/02/2023 thì ông **Đinh Quang M** đã không thanh đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía **Công ty T** đã giải ngân. Tạm tính đến 12/7/2024 thì ông **Đinh Quang M** còn nợ lại **Công ty T** tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 48.521.946 (bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, (trong đó gồm: Nợ gốc là: 27.743.592 đồng; Lãi trong hạn là: 12.638.119 đồng; Lãi quá hạn: 7.150.994 đồng; Lãi chậm trả: 969.241 đồng). Xét, việc thỏa thuận giữa các bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng ngày 12/8/2022 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Đinh Quang M** phải thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T** (VIỆT NAM) và buộc bị đơn ông **Đinh Quang M** phải có trách nhiệm trả hết tổng số tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng ngày 12/8/2022 và buộc bị đơn ông **Đinh Quang M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, **Công ty T** (VIỆT NAM) khởi kiện yêu cầu ông **Đinh Quang M** phải thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 12/8/2022, như vậy có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Mặt khác, tại thời điểm thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại **Công an P, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh** nơi bị đơn ông **Đinh Quang M** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: **A B, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**, hiện đương sự đang thực tế cư trú tại địa phương”. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 thì nguyên đơn **Công ty T** (VIỆT NAM) còn thời hiệu khởi kiện.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Đinh Quang M** mặc dù hiện đang thực tế cư trú tại địa phương nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào có liên quan đến vụ kiện. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lấy lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 12/6/2024 nhưng ông **M** vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do bị đơn ông **Đinh Quang M** vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, không tiến hành xét xử được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T (VIỆT NAM) vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Bị đơn ông Đinh Quang M đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông M vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016 nên Hội đồng xét xử tiếp tục mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xét, nguyên đơn Công ty T (VIỆT NAM) không yêu cầu triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà chỉ yêu cầu một mình ông Đinh Quang M phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

- Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn Công ty T (VIỆT NAM), (gọi tắt là: Công ty T) khởi kiện và yêu cầu bị đơn ông Đinh Quang M phải thanh toán cho Công ty T tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 12/7/2024 là 48.521.946 (bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, (trong đó gồm: Nợ gốc là: 27.743.592 đồng; Lãi trong hạn là: 12.638.119 đồng; Lãi quá hạn: 7.150.994 đồng; Lãi chậm trả: 969.241 đồng) của Hợp đồng tín dụng số: 3485666 ngày 12/8/2022. Và buộc ông Đinh Quang M phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 13/7/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ tín dụng còn thiếu cho Công ty T theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 3485666 ngày 12/8/2022.

Xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Ông Đinh Quang M có ký Hợp đồng tín dụng số: 3485666 ngày 12/8/2022 với Công ty T để vay số tiền 31.980.000 (ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Đinh Quang M. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Đinh Quang M có nghĩa vụ thanh toán trong kỳ hạn 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/02/2025. Sau khi được giải ngân ông Đinh Quang M đã thanh toán được số tiền 10.730.702 (mười triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, bảy trăm lẻ hai) đồng, (tương ứng với 06 kỳ). Tuy nhiên, từ ngày 15/02/2023 thì ông Đinh Quang M đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân. Tạm tính đến ngày 12/7/2024 thì ông Đinh Quang M còn nợ lại Công ty T tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 48.521.946 (bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, (trong đó gồm: Nợ gốc là: 27.743.592 đồng; Lãi trong hạn là: 12.638.119 đồng; Lãi quá hạn: 7.150.994 đồng; Lãi chậm trả: 969.241 đồng). Xét, theo nội dung hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có quy định: Lãi trong hạn = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi); Lãi quá hạn quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng; Số tiền lãi quá hạn từng kỳ = $150\% \times \text{Lãi suất} \% \times \text{Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 365 \text{ ngày}$; Số tiền lãi quá hạn = Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi); Lãi chậm trả quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng; Số tiền lãi chậm trả từng kỳ = $10\% \times \text{Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ} \times \text{Số ngày quá hạn} : 365 \text{ ngày}$; Số tiền lãi chậm trả = Tổng số tiền lãi chậm trả từng

kỳ (tính đến thời điểm tính lãi). Cách tính lãi trên được căn cứ tại Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng và phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 của Thông tư 39/2016/TT – N về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Việc thỏa thuận giữa các bên đương sự tại Hợp đồng tín dụng ngày 12/8/2022 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông **Đinh Quang M** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên **Công ty T** khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Đinh Quang M** phải thanh toán hết tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu như đã nêu trên và buộc ông **M** phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/7/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ vay còn thiếu, theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 12/8/2022 cho **Công ty T** là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Về thời hạn thanh toán: Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định sau khi được giải ngân theo hợp đồng tín dụng thì ông **Đinh Quang M** không thanh toán đầy đủ cho **Công ty T** theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay đã giải ngân. Như vậy, ông **Đinh Quang M** đã vi phạm nghĩa vụ và thời hạn thanh toán nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy buộc ông **Đinh Quang M** phải có nghĩa vụ thanh toán ngay cho **Công ty T** tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016; Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T** (VIỆT NAM) được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Công ty T** (VIỆT NAM) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 859.000 (tám trăm năm mươi chín nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042758 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông **Đinh Quang M** phải trả cho nguyên đơn **Công ty T** (VIỆT NAM) tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/7/2024 là: 48.521.946 (bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền nợ phải trả, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà ông **Đinh Quang M** phải chịu là: $5\% \times 48.521.946 \text{ đồng} = 2.426.097$ (hai triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi bảy) đồng.

[4]. Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều

228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty T** (VIỆT NAM).

Buộc ông **Đinh Quang M** phải có trách nhiệm thanh toán ngay tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu, tạm tính đến ngày 12/7/2024 là: 48.521.946 (bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng, (trong đó gồm: Nợ gốc là: 27.743.592 đồng; Lãi trong hạn là: 12.638.119 đồng; Lãi quá hạn: 7.150.994 đồng; Lãi chậm trả: 969.241 đồng) của **Hợp đồng tín dụng số: 3485666** ngày 12/8/2022 cho **Công ty T** (VIỆT NAM).

Ông Đinh Quang M phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 13/7/2024 cho đến khi trả hết nợ vay còn thiếu, theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 3485666 ngày 12/8/2022 cho **Công ty T** (VIỆT NAM).

Kể từ ngày nguyên đơn **Công ty T** (VIỆT NAM), có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, thì người phải thi hành án (**ông Đinh Quang M**) còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 3485666 ngày 12/8/2022, tương ứng với số tiền chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Đinh Quang M** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.426.097 (hai triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi bảy) đồng.

- Hoàn trả lại cho **Công ty T** (VIỆT NAM) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 859.000 (tám trăm năm mươi chín nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0042758 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thúy